

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 23/2022/KDTM-ST

Ngày: 15-4-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thành Trung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Đỗ Trương Hồng Thảo**

2/ Bà **Đặng Thu Vân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diệu Trinh** – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Thị Kim Sinh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/4/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2021/TLST- KDTM ngày 08 tháng 06 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-KDTM ngày 07/3/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐST-KDTM ngày 28/3/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần T;

Trụ sở: Đường L, Phường H, thành phố M, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp H, xã A, thành phố M, tỉnh T.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 19/12/2019 và Thông báo về việc chấm dứt ủy quyền ngày 19/12/2019)

Bị đơn: Công ty TNHH A;

Trụ sở: Đường D, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hồng L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Đường H, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 14/6/2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/8/2020, cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, đại diện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S trình bày:*

Ngày 06/01/2015, Công ty cổ phần T và Công ty Công ty TNHH A đã ký Hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT.15 để thỏa thuận đóng mới sà lan ponton 4880 tấn, kích thước 80m x 22m x 4.5m, giá trị hợp đồng là 21.800.000.000 (hai mươi một tỉ tám trăm triệu) đồng. Ngày 28/08/2016, hai bên đã tiến hành lập Bảng nghiệm thu thanh lý hợp đồng và Bản cam kết để bàn giao sà lan và thanh toán tiền theo thỏa thuận của hợp đồng với số tiền là 23.214.973.000 đồng (phát sinh ngoài hợp đồng là 1.414.973.000 đồng). Tuy nhiên, bị đơn vẫn chưa thanh toán hết và còn nợ lại là số tiền 2.214.973.000 (hai tỉ hai trăm mười bốn triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn) đồng, theo Bản cam kết ngày 28/8/2016, bị đơn phải chịu phạt gấp 2 lần số tiền còn nợ là 4.429.946.000 (bốn tỉ bốn trăm hai mươi chín triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng.

Ngày 14/9/2016, bị đơn đã trả số tiền 2.100.000.000 (hai tỉ một trăm triệu) đồng, nên ngày 09/4/2019, hai bên xác định lại số tiền mà bị đơn phải trả là 2.214.973.000 (hai tỉ hai trăm mười bốn triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn) đồng, trả trước ngày 30/4/2019.

Do nhiều lần yêu cầu bị đơn Công ty TNHH A phải trả số tiền 2.214.973.000 (hai tỉ hai trăm mười bốn triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn) đồng, tuy nhiên bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả số nợ này.

Nay, nguyên đơn căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT.15 ngày 06/01/2015; Bản cam kết ngày 28/8/2016 và Cam kết ngày 09/4/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số nợ còn lại là 2.214.973.000 (hai tỉ hai trăm mười bốn triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn) đồng do vi phạm hợp đồng kinh tế và không yêu cầu tính lãi. Thanh toán 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 14/4/2022, nguyên đơn có đơn xác nhận lại yêu cầu khởi kiện là ngày 06/8/2020 đã có đơn khởi kiện bổ sung để rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ buộc bị đơn trả số tiền 2.214.973.000 (hai tỉ hai trăm mười bốn triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Không khởi kiện cá nhân ông Lê Hồng L, vì ông L là người đại diện theo pháp luật của công ty nên thay mặt công ty xác nhận công nợ. Và đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh S đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là Công ty TNHH A và đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Lê Hồng L đã được triệu tập họp lệ nhiều lần để ghi nhận lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt, không có lý do.

Do đương sự vắng mặt tại phiên tòa, Chủ tọa công bố toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa đều vắng mặt, không có lý do chính đáng, là chưa chấp hành đúng quy định Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết:

Xét, nguyên đơn Công ty cổ phần T và bị đơn Công ty TNHH A, là hai tổ chức có đăng ký kinh doanh đã thỏa thuận mua bán hàng hóa với nhau và nhằm mục đích sinh lợi; bị đơn có trụ sở tại Đường D, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét, tại Bản cam kết ngày 28/8/2016, các bên có thỏa thuận nếu quá thời hạn thanh toán sẽ giải quyết tại “Tòa án kinh tế tỉnh Tiền Giang”, tuy nhiên quan hệ pháp tranh chấp về mua bán hàng hóa giữa hai công ty thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, nên thỏa thuận các bên lựa chọn Tòa án nhân dân cấp tỉnh để giải quyết là không phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền Tòa án theo loại việc và theo cấp.

Căn cứ Điều 6, Điều 24 của Luật Thương mại năm 2005; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tham gia tố tụng: Ngày 14/4/2022, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là Công ty TNHH A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần vào các ngày 28/3/2022 và ngày 15/4/2022) để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do.

Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về pháp luật áp dụng: Do hai bên xác lập hợp đồng mua bán hàng hóa và đã xác nhận công nợ từ năm 2016, tranh chấp mới phát sinh và khởi kiện từ tháng 7 năm 2018, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những quy định của Bộ luật Dân sự

năm 2015, Luật Thương mại năm 2005 và Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 2.214.973.000 (hai tỉ hai trăm mười bốn triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn) đồng.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ cùng lời khai của nguyên đơn cung cấp, đã có đủ cơ sở xác định bị đơn là Công ty TNHH A còn nợ số tiền 2.214.973.000 (hai tỉ hai trăm mười bốn triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn) đồng và cho đến nay vẫn chưa thanh toán xong tiền này cho nguyên đơn là Công ty cổ phần T như các bên đã thỏa thuận.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T đối với bị đơn Công ty TNHH A về số nợ gốc là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

Căn cứ vào văn bản Cam kết ngày 09/4/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn và ngày 14/4/2022, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 2.214.973.000 (hai tỉ hai trăm mười bốn triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn) đồng, không yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng và yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/8/2020, Cam kết ngày 09/4/2019 và Đơn xác nhận lại yêu cầu khởi kiện ngày 14/4/2022 của nguyên đơn về việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.100.000.000 (hai tỉ một trăm triệu) đồng là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại:

Do một phần yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 218 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty TNHH A phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm là 38.149.730 (ba mươi tám triệu một trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi) đồng. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Công ty cổ phần T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228, 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, Điều 24 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Công ty cổ phần T.

1.1. Buộc Công ty TNHH A phải thanh toán cho Công ty cổ phần T số tiền 2.214.973.000 (hai tỉ hai trăm mười bốn triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn) đồng.

1.2. Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là Công ty TNHH A còn phải trả thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T đối với số tiền 2.100.000.000 (hai tỉ một trăm triệu) đồng. Công ty cổ phần T không có quyền khởi kiện lại Công ty TNHH A đối với số tiền này theo quy định pháp luật.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty TNHH A phải chịu số tiền là 38.149.730 (ba mươi tám triệu một trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi) đồng.

2.2. Hoàn lại cho Công ty cổ phần T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.215.000 (năm mươi sáu triệu hai trăm mười lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0018053 ngày 24/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc thi hành án được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

3.1. Quyền kháng cáo: Công ty cổ phần T; Công ty TNHH A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

3.2. Quyền kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày, và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân

dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thành Trung